

Số: 150/2024/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật
Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn
nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí
và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày
24 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận
nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1980

Nơi thường trú và cư trú: Khu Đồi Đỏ, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên,
tỉnh Bắc Giang

2. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú: Số nhà A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị Thanh T đăng ký kết hôn ngày
05/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở
tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục
tập quán địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh
mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được
tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, khiến cuộc sống chung ngột
ngạt. Tại Biên bản hòa giải ngày 07 tháng 8 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa
giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị
Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, anh **H** và chị **T** đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hoà giải đoàn tụ và yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **H** và chị **T** hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **H**, chị **T** theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh **H** và chị **T** có hai con chung là cháu **Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 02/09/2009 và cháu **Nguyễn Khôi N**, sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn, anh **H** và chị **T** thỏa thuận: Chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung; anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị **T** với số tiền 2.000.000đồng/01 tháng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 cho đến khi cháu **C**, cháu **N** đủ 18 tuổi.

Xét thấy, thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh **H** và chị **T** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh **H**, chị **T** về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh **H** và chị **T** không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **H** và chị **T** xác nhận mỗi người đã nộp 150.000đồng tiền tạm ứng lệ phí vào chung 01 (một) Biên lai số 0001935 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Anh **H**, chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Quốc H** và chị **Trần Thị Thanh T** thuận tình ly hôn

- Về con chung: Chị **Trần Thị Thanh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là **Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 02/09/2009 và **Nguyễn Khôi N**, sinh ngày 15/11/2013 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị **T** nuôi 02 (hai) con chung với số tiền 2.000.000đồng/01 tháng/01 cháu (hai triệu đồng một tháng cho một cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 cho đến khi cháu **C**, cháu **N** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị Thanh T mỗi người chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà mỗi người đã nộp 150.000đồng theo Biên lai số 0001935 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận anh H và chị T đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Dương sự;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn,
TP Bắc Giang (Giấy CNKH số 89, ngày
05/11/2008)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan